

Bản án số: 355/2024/HC-PT

Ngày: 20 - 9 - 2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long
 bà Võ Thị Ngọc Dung

- *Thư ký phiên tòa:* bà Đinh Thị Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 189/2024/TLPT-HC ngày 25 tháng 6 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2024/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1812/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

+ Ông **Nguyễn Văn D**; địa chỉ: **thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**;

+ Ông **Trương Đình C**; địa chỉ: **thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**;

+ Bà **Trần Thị H**; địa chỉ: **thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**;

+ Ông **Mai Thanh L**; địa chỉ: **thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**;

+ Ông **Trần Văn L1**; địa chỉ: **thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**;

+ Ông **Vũ Văn L2**; địa chỉ: **thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**;

+ Ông **Đặng Văn V**; địa chỉ: **thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**

Người đại diện theo Ủy quyền của người khởi kiện: ông **Nguyễn Như H1**; địa chỉ: **thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo Ủy quyền: ông Lê Đình C1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: ông Nguyễn Thụ K, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Tư D1, bà Nguyễn Thị Q; địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Mạnh H2, bà Trần Thị X; địa chỉ: thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị T; địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Q; địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ông Trần Trọng T1; địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ông Vi Văn K1, Vi Văn B; địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nội dung Đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người khởi kiện thể hiện:

- Đối với hộ ông Nguyễn Văn D:

Năm 2007 gia đình ông Nguyễn Văn D nhận sang nhượng của ông Trần Trọng T1, địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk 01 lô đất khoảng 6 ha, đất tọa lạc tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với số tiền là 70.000.000 đồng. Tại thời điểm mua bán thì các bên chỉ nói miệng với nhau, không lập thành văn bản. Tuy nhiên, các bên đã tiến hành bàn giao đất ngoài thực địa và bàn giao tiền đầy đủ cho nhau.

Về nguồn gốc thửa đất trên do ông Vi Văn B và ông Vi Văn K1 khai hoang từ năm 1993, đến năm 2005 thì ông B và ông K1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông H2 và bà X; tiếp đến năm 2006 vợ chồng ông H2, bà X chuyển nhượng cho ông Trần Trọng Thao. Cuối cùng đến năm 2007 thì ông T1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D (ông D sử dụng đất từ năm 2007 đến thời điểm bị Nhà nước thu hồi đất, không có tranh chấp với ai).

Ngày 05 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E tiến hành đo đạc và lập Trích lục thửa đất. Theo đó thửa đất của gia đình ông D là thửa đất số 06, tờ bản đồ trích đo số 15, diện tích 52.640,2m² đất trồng cây lâu năm. Ngày 19 tháng 8 năm 2017, UBND huyện E có Thông báo số:

311/UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất nêu trên của gia đình ông **D** để thực hiện Dự án khu tái định canh, **định cư Hồ chứa nước K** thượng tại **xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Tại Biên bản kiểm tra xác nhận năm 2016 của **UBND xã C** thể hiện: trên thửa đất số 06 của gia đình ông **D** có 3.000 cây Cao su trồng năm 2012. Tuy nhiên, ngày 16 tháng 8 năm 2017 Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** kiểm đếm tài sản trên diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông **D** chỉ có 100 cây Cao su trồng năm 2013 và 300 cây Keo trồng năm 2013.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Tại quyết định này, **UBND huyện E** chỉ bồi thường cho hộ ông **D** 100 cây Cao su trồng năm 2013 và 300 cây Keo trồng năm 2013 và chỉ hỗ trợ 10% diện tích đất (52.640,2m²).

Do đó, hộ ông **D** đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của **UBND huyện E** và buộc **UBND huyện E** phải ban hành lại quyết định Phê duyệt Phương án để hỗ trợ đối với 100% diện tích đất (52.640,2m²) và tài sản gắn liền trên đất là 3.000 cây Cao su trồng năm 2012; đồng thời, hỗ trợ đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật (hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề).

- *Đối với hộ ông **Mai Thanh L**:*

Năm 1998 gia đình ông **L** khai hoang 01 lô đất khoảng 05 ha trồng hoa màu và sử dụng ổn định. Năm 2011 gia đình ông ông **L** trồng 1.800 cây Cao su trên diện tích đất nêu trên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E** ban hành Trích lục bản đồ, theo đó hộ gia đình ông **L** sử dụng thửa đất số 26, tờ bản đồ 29, diện tích 41.323,7m² đất BCS. Ngày 09 tháng 8 năm 2017, **UBND huyện E** ban hành Thông báo số 315/UBND thu hồi thửa đất số 26, tờ bản đồ 29, diện tích thu hồi 46.323,7m² để thực hiện Dự án khu tái định canh, **định cư Hồ C tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** lập Biên bản kiểm đếm tài sản có 45 cây Keo và 66 cây Cao su trồng năm 2012 và có 2.500m² cỏ voi. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó, hộ ông **Mai Thanh L** được hỗ trợ 30% diện tích 5.000m²; 80% diện tích đất trồng cỏ voi 2.500 m²; 80% đối với 45 cây Keo trồng phân tán.

Do đó, ông **L** đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của **UBND huyện E** và buộc **UBND**

huyện E phải ban hành lại quyết định Phê duyệt Phương án để hỗ trợ đối với 100% diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất là 3.000 cây Cao su trồng năm 2012; đồng thời, hỗ trợ đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật (hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề).

- Đối với hộ ông **Trương Đình C**:

Năm 1997 gia đình ông **C** khai hoang 01 lô đất tại **thôn A, xã E là thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** trồng hoa màu. Năm 2001 gia đình trồng cây Điều và cây ăn quả. Năm 2012 chuyển sang trồng Keo. Năm 2013 trồng thêm 220 cây Chuối.

Ngày 05 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E** ban hành Trích lục thửa đất, theo đó hộ ông **C** sử dụng thửa đất số: 33, 36, 37, tờ bản đồ số 29, diện tích đất 41.879,8m², đất NHK và BCS. Ngày 09 tháng 8 năm 2017, **UBND huyện E** có Thông báo số 313/TB-UBND thu hồi đất để thực hiện Dự án khu tái định canh, định cư **Hồ C tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** lập Biên bản kiểm đếm tài sản có 3 cây Xoài trồng năm 2003 và 35 cây Keo trồng năm 2013. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó, hộ ông **C** được hỗ trợ 30% đối với diện tích đất 2.00m² và hỗ trợ 80% đối với 03 cây Xoài trồng năm 2003.

Do đó, ông **C** đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của **UBND huyện E** và buộc **UBND huyện E** phải ban hành lại quyết định Phê duyệt Phương án để hỗ trợ đối với 100% diện tích đất 41.879,8m² và 100% đối với tài sản gắn liền trên đất là 35 cây Keo và 03 cây Xoài; đồng thời, hỗ trợ đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật (hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề).

- Đối với hộ bà **Trần Thị H**

Năm 2008 gia đình bà **H** nhận sang nhượng của ông **Mai Thanh L**; địa chỉ: **thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** 01 lô đất khoảng 01 ha với giá là 20.000.000 đồng, trên đất có trồng cây Keo năm 2013. Do một số cây Keo bị chết, nên gia đình bà trồng xen cây Điều, sau đó có chuyển đổi sang trồng lúa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E** ban hành Trích lục thửa đất, theo đó hộ gia đình bà **H** sử dụng thửa đất số 29, tờ bản đồ 29, diện tích 10.836,5m², đất BCS. Ngày 09 tháng 8 năm 2017, **UBND huyện E** ban hành Thông báo số: 314/UBND thu hồi diện tích đất 10.836,5m² để thực hiện Dự án khu tái định canh, định cư **Hồ C tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** lập

Biên bản kiểm đếm tài sản, nhưng số tài sản là cây Keo và cây Điều không đưa vào để kiểm đếm, nên tại Biên bản kiểm đếm chỉ thể hiện tài sản bị thu hồi của gia đình bà H là đất trống. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, UBND huyện E ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó hộ gia đình bà H không được bồi thường hỗ trợ về đất.

Do đó, bà H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện E về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; buộc UBND huyện E phải ban hành lại quyết định Phê duyệt Phương án để bồi thường cho gia đình bà H 100% diện tích đất bị thu hồi (10.836,5m²); đồng thời, hỗ trợ đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật (gồm hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất).

- Đối với hộ ông Đặng Văn V:

Năm 1999 gia đình ông V nhận sang nhượng của ông Ngô Tư D1, bà Nguyễn Thị Q; trú tại: thôn F, xã C, huyện E 01 lô đất khoảng 9,6 ha với giá là 150.000.000 đồng.

Nguồn gốc lô đất: đất do Ngô Tư D1, bà Nguyễn Thị Q khai hoang từ năm 1994, gia đình ông D1 trồng Keo. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông V tiếp tục sử dụng. Năm 2014, gia đình ông V chuyển nhượng lại một phần diện tích đất cho ông Vũ Văn L2 khoảng 03 ha, diện tích đất còn lại gia đình ông V sử dụng ổn định.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E ban hành Trích lục thửa đất, theo đó gia đình ông V sử dụng thửa đất số 8, tờ bản đồ số 15, diện tích 52.153,6m², đất NHK. Ngày 14 tháng 7 năm 2015, UBND huyện E ban hành Thông báo số 159/UBND thu hồi đất, dự kiến thu hồi 75.756m² tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 15 để thực hiện Dự án khu tái định canh, định cư Hồ C tại xã C.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E kiểm đếm tài sản có 20 cây Keo trồng năm 2013. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, UBND huyện E ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó hộ gia đình ông V được hỗ trợ 10% trên diện tích 20.000m² và không được bồi thường về tài sản gắn liền trên đất.

Do đó, ông V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện E về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; buộc UBND huyện E phải ban hành lại quyết định Phê duyệt Phương án để bồi thường cho gia đình ông V 100% diện tích đất bị thu hồi (52.153,6m²), 100% giá trị 20 cây Keo trồng

năm 2013; đồng thời, hỗ trợ đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật (gồm hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất).

- Đối với hộ ông **Vũ Văn L2**:

Năm 2014 gia đình ông **L2** nhận sang nhượng của ông **Đặng Văn V**; trú tại: **thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** 01 lô đất tại **thôn F, xã C, huyện E** diện tích khoảng 3ha với giá là 50.000.000 đồng, khi nhận sang nhượng trên đất đã trồng **K2**. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông **L2** san ủi để trồng lúa và hoa màu.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E** ban hành Trích lục thửa đất, theo đó gia đình ông **L2** sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15, diện tích 30.134,3m², đất NHK. Ngày 14 tháng 7 năm 2015, **UBND huyện E** có Thông báo số: 224/TB-UBND thu hồi đất để thực hiện Dự án khu tái định canh, định cư **Hồ C tại xã C**

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** kiểm đếm tài sản. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó hộ gia đình ông **L2** được hỗ trợ 10% trên diện tích 20.000m².

Do đó, ông **L2** đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của **UBND huyện E** về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; buộc **UBND huyện E** phải ban hành lại quyết định Phê duyệt Phương án để bồi thường cho gia đình ông **L2** 100% diện tích đất bị thu hồi (30.134,3m²); đồng thời, hỗ trợ đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật (gồm hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất).

- Đối với hộ ông **Trần Văn L1**:

Năm 1994 bố mẹ ông **L1** vào làm ăn kinh tế tại **thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** và khai hoang được diện tích đất khoảng 15 ha, có làm nhà ở, canh tác sản xuất trên lô đất này. Năm 2004 ông **L1** lập gia đình, được bố mẹ chia cho một phần diện tích đất khoảng 4ha, từ đó vợ chồng ông **L1** ra ở riêng và sử dụng lô đất trên ổn định.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E** ban hành Trích lục thửa đất số 46, tờ bản đồ số 15, diện tích là 35.805,0m², đất NHK. Ngày 09 tháng 8 năm 2017, **UBND huyện E** ban hành Thông báo số: 316/UBND thu hồi thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 15, diện tích thu hồi 35.054,6m² để thực hiện Dự án khu tái định canh, định cư **Hồ C tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** lập Biên bản kiểm đếm tài sản, theo đó tài sản trên đất gồm có 150 cây Keo trồng

năm 2015. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, UBND huyện E ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó hộ gia đình ông L1 được hỗ trợ 10% trên diện tích 20.000m².

Do đó, ông L1 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện E về việc Phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; buộc UBND huyện E phải ban hành lại quyết định Phê duyệt Phương án để bồi thường cho gia đình ông L1 100% diện tích đất bị thu hồi (35.054,6m²), bồi thường 100% giá trị 150 cây Keo trồng năm 2015; đồng thời, hỗ trợ đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật (gồm hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất).

2. Người đại diện theo Ủy quyền của người bị kiện UBND huyện E là ông Lê Đình C1 trình bày:

Đối với hộ ông Trương Đình C:

Hộ ông Trương Đình C bao chiếm sử dụng từ năm 1996 với diện tích 41.789,8m², thuộc thửa số 29, tờ bản đồ số 29 (bản đồ tái định canh, định cư đo năm 2013), nhưng sau đó sử dụng không liên tục vì theo bản đồ hiện trạng xã C năm 2006 thì phần diện tích ông C đang bao chiếm vẫn là rừng dầu tái sinh. Đến năm 2015 hộ ông C tái chiếm bị UBND xã phát hiện lập Biên bản vi phạm. Từ đó đến nay ông C không sử dụng diện tích đất trên. Hiện trên đất có 35 cây Keo trồng năm 2013, 03 cây Xoài trồng năm 2003, ao tưới 300m² đào năm 2001 (tương ứng với diện tích đã canh tác là 2.000m²); diện tích bao chiếm còn lại 39.789,8m² là đất rừng dầu tái sinh.

Ngày 21 tháng 8 năm 2015, UBND xã C đã lập Biên bản vi phạm hành chính về việc lấn chiếm đất công do xã quản lý.

Đối với hộ ông Nguyễn Văn D:

Diện tích 52.640,2m² thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 15 (bản đồ tái định canh, định cư đo năm 2013) hộ ông D mua lại của các hộ bao chiếm tại khu vực quy hoạch dự án, trên đất có 100 cây Cao su trồng năm 2013 và 300 cây Keo trồng năm 2013. Thời điểm năm 2016, ông D không đầu tư, chăm sóc cây trồng trên đất.

Ngày 06 tháng 7 năm 2010, UBND xã C lập Biên bản vi phạm trồng Cao su trái phép đối với ông Trần Trọng Thao . Ngày 08 tháng 7 năm 2010, UBND xã lập Biên bản vi phạm đối với ông Trần Trọng T1 về việc san ủi đất trái phép trên đất quy hoạch nghĩa địa và vùng Dự án Hồ C. Ngày 03 tháng 6 năm 2011, UBND xã đã có Thông báo số 25/TB-UBND về việc cấm canh tác trên diện tích đất san ủi trái phép thuộc địa bàn thôn F; yêu cầu hộ ông T1 nhổ bỏ cây Cao su. Ngày 08 tháng 7 năm 2012, UBND xã đã lập Biên bản vi phạm về việc san ủi mức đất trái phép trong khu vực quy hoạch đối với ông Trần Trọng Thao .

Đối với hộ bà Trần Thị H.

Diện tích 10.836,5m² thuộc thửa số 29, tờ bản đồ số 13 (bản đồ tái định canh, định cư đo năm 2013), có nguồn gốc bà H nhận sang nhượng đất bao chiếm từ hộ ông Mai Thanh L, ông Đinh Văn Q1 vào năm 2015. Sau khi UBND xã C lập Biên bản thì bà H không sử dụng diện tích trên. Ngày 25 tháng 6 năm 2016, UBND xã đã có Biên bản vi phạm hành chính về việc lấn, chiếm đất công ích do xã quản lý. Từ khi nhận sang nhượng, hộ bà H không tổ chức sản xuất, hiện trạng toàn bộ là rừng dầu tái sinh.

Đối với hộ ông Mai Thanh L:

Thửa đất hộ ông Mai Thanh L bao chiếm trước 2005 nhưng chưa sử dụng, theo bản đồ hiện trạng xã C năm 2006 thì phần diện tích ông L đang bao chiếm vẫn là rừng dầu tái sinh. Đến năm 2015, ông L tiến hành cày xới, san ủi trồng Cao su thì UBND xã C lập Biên bản vi phạm. Diện tích bao chiếm 46.323,5m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 29 (bản đồ tái định canh, định cư đo năm 2013). Hiện trạng có 5.000m² đất tổ chức sản xuất (66 cây Cao su trồng rải rác năm 2015, K4 cây trồng năm 2012, trồng cỏ chăn nuôi đang khai thác 2.500m² trồng tập trung) và được trồng trên đất rừng dầu không cày xới. Diện tích còn lại 41.323,5m² bao chiếm không canh tác còn nguyên là rừng dầu tái sinh.

Ngày 21 tháng 8 năm 2015, UBND xã C lập Biên bản về việc lấn chiếm đất công của UBND xã C quản lý.

Đối với hộ ông Trần Văn L1:

Thửa đất hộ Trần Văn L1 bao chiếm diện tích 35.805m², thuộc thửa số 46, tờ bản đồ số 15 (bản đồ tái định canh, định cư đo năm 2013).

Đất có nguồn gốc do ông Trần Văn M khai phá năm 1996 trên đất UBND tỉnh Đ giao lâm nghiệp E quản lý. Sau đó, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND về việc thu hồi quyền sử dụng 2.672,3 ha đất của Lâm trường Ea Kar giao cho UBND huyện E quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đến năm 2006, ông M cho tặng lại ông Trần Văn L1. Từ năm 2006 đến 2015 ông L1 không sử dụng, canh tác trên đất. Từ năm 2015 đến thời điểm thu hồi đất, ông Trần Văn L1 không sử dụng, canh tác trên đất.

Đối với hộ Vũ Văn L2:

Thửa đất hộ ông Vũ Văn L2 bao chiếm có diện tích 30.134,3m², thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 15 (bản đồ tái định canh, định cư đo năm 2013) có nguồn gốc nhận sang nhượng từ ông Đặng Văn V vào năm 2014. Ngày 27 tháng 6 năm 2016, UBND xã lập Biên bản về việc kiểm tra các hộ lấn chiếm, sang nhượng trái phép trên đất quy hoạch. Hiện trạng năm 2016 là đất trống không canh tác, sản xuất.

Đối với hộ ông Đặng Văn V:

Thửa đất hộ ông Đặng Văn V bao chiếm diện tích 52.153,6m² (sau khi đã

bán đi 3 ha đất bao chiếm cho hộ khác), thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 15 (bản đồ tái định canh, định cư đo năm 2013) từ trước năm 2006, nhưng sau đó sử dụng không liên tục, vì theo bản đồ hiện trạng xã Cư Elang năm 2006 thì phần diện tích ông **V** đang bao chiếm vẫn là rừng đầu tái sinh. Đến năm 2015, tiếp tục tái chiếm cày xới, canh tác hoa màu và đã bị UBND xã lập Biên bản đình chỉ vào năm 2015. Từ đó đến nay, ông **V** không sử dụng diện tích bao chiếm trên. Hiện trạng trên đất có 20 cây Keo trồng năm 2013 trên bờ ranh, diện tích còn lại là đất trống, không có cây cối, hoa màu. Ngày 15 tháng 5 năm 2015, UBND xã đã lập Biên bản về việc xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** lập Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất và cây trồng trên đất của hộ gia đình, cá nhân (hộ ông **Mai Thanh L**, bà **Bùi Thị H3**) để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư Dự án Hồ chứa nước **Krông Pắc T2**.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** lập Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất và cây trồng trên đất của hộ gia đình, cá nhân (hộ **Trần Thị H**) để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư Dự án Hồ chứa nước **Krông Pắc T2**.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** lập Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất và cây trồng trên đất của hộ gia đình, cá nhân (hộ ông **Trương Đình C**) để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư Dự án Hồ chứa nước **Krông Pắc T2**.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** lập Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất và cây trồng trên đất của hộ gia đình, cá nhân (hộ ông **Nguyễn Văn D**) để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư Dự án Hồ chứa nước **Krông Pắc T2**.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh **Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E** phối hợp với các cá nhân, đơn vị liên quan lập Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất và cây trồng trên đất của hộ gia đình, cá nhân (hộ ông **Trần Văn L1**) để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư Dự án Hồ chứa nước **Krông Pắc T2**.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** lập Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất và cây trồng trên đất của hộ gia đình, cá nhân (hộ ông **Vũ Văn L2**) để lập Phương án

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư Dự án Hồ chứa nước **Krông Pắc T2**.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh **Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E** lập Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất và cây trồng trên đất của hộ gia đình, cá nhân (hộ ông **Đặng Văn V**) để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư Dự án Hồ chứa nước **Krông Pắc T2**.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh **Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E** phối hợp với các cá nhân, đơn vị liên quan niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định cư số 1 thuộc Dự án **Hồ C** (phương án 12 hộ).

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, Chi nhánh **Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E** phối hợp với các cá nhân, đơn vị liên quan kết thúc niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất công trình khu tái định cư số 1, thuộc Dự án **Hồ C** (phương án 12 hộ).

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, Chi nhánh **Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E** phối hợp với các cá nhân, đơn vị liên quan lập Biên bản cuộc họp về việc kết thúc công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình khu tái định cư số 1 thuộc Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk**.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** có Báo cáo số 52/BC-CCTTPTQĐĐ về khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất khi thực hiện lập Phương án 12 hộ.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, Chi nhánh **Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E** phối hợp với các cá nhân, đơn vị liên quan tổ chức cuộc họp tuyên truyền, vận động và lấy ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân làm cơ sở cho việc lập Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình khu tái định cư số 1 thuộc Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk**.

UBND huyện E đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

1. Việc bồi thường về đất: căn cứ Kết luận thanh tra số 403/KL-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của **UBND huyện E** về tình hình quản lý sử dụng đất khu quy hoạch dự án tái định canh, định cư thuộc Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk** và căn cứ Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2017 của **UBND xã C** về kết quả xét duyệt nguồn gốc, thời điểm sử dụng, hiện trạng sử dụng đất đối với các hộ có đất thu hồi tại điểm tái định cư thuộc Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk** thể hiện 07 hộ gia đình trên có nguồn gốc đất là đất bao chiếm mà có, vì vậy toàn bộ diện tích đất của 07 hộ gia đình cá nhân đang sử dụng không đủ điều kiện được bồi thường về đất.

2. Việc đề nghị hỗ trợ 100% về đất: các chế độ hỗ trợ về đất được thực hiện theo Báo cáo số 71/BC-TNMT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của **Phòng Tài**

nguyên và Môi trường huyện E về việc đề xuất UBND huyện xem xét mức hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ lấn chiếm tại khu tái định cư số 1, xã C, huyện E đã được UBND huyện E đồng ý tại Thông báo số 309/TB-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện E về Kết luận của Chủ tịch UBND huyện E tại cuộc họp giải quyết vướng mắc, khó khăn trong công tác bồi thường, GPMB trên địa bàn huyện.

Sau khi kết thúc niêm yết công khai phương án, ngày 20 tháng 9 năm 2017 Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất đã có Báo cáo số 52/BC-CNTTQĐ với nội dung cuộc họp kết thúc công khai và ý kiến kiến nghị của các hộ gia đình. UBND huyện tổ chức cuộc họp giữa các Phòng, Ban đề xuất chế độ hỗ trợ đối với các hộ: Nguyễn Văn D, Trần Văn L1, Đặng Văn V, Vũ Văn L2 tại vị trí đất thu hồi các hộ gia đình có sản xuất trên đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập trên đất; tuy nhiên, thu nhập không ổn định, việc thu hồi đất ít làm ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống sản xuất của hộ gia đình. Giá trị hỗ trợ đối với đất của các hộ gia đình từ 5% giá đất lên 10% giá đất (tương ứng với giá trị san ủi khai hoang rừng nghèo tại khu vực quy hoạch) chế độ hỗ trợ được UBND huyện E đồng ý tại Thông báo Kết luận số 340/TB-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2017 của UBND huyện E về cuộc họp giải quyết vướng mắc, khó khăn trong công tác bồi thường, GPMB trên địa bàn huyện. Đối với hộ ông Mai Thanh L và Trương Đình C tại vị trí đất thu hồi kể từ khi lấn chiếm hộ gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp trên đất, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất này, mức hỗ trợ tối đa là 30% giá đất nông nghiệp trong Bảng giá đất tại vị trí thu hồi theo khoản 3 Điều 23 Quyết định số 39 của UBND tỉnh Đ. Đối với hộ bà Trần Thị H không xác định hỗ trợ tại vị trí đất thu hồi do hộ gia đình không tổ chức sản xuất trên đất, hiện trạng trên đất là cây dầu tái sinh. Chế độ hỗ trợ đã được UBND tỉnh Đ đồng ý tại Công văn số 1706/UBND-NNMT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Đ về việc hỗ trợ khác cho 67 hộ có đất tại xã C, huyện E bị thu hồi để thực hiện Dự án Hồ chứa nước Krông Pắc T2.

3. Về việc đề nghị hỗ trợ 100% cây Cao su trồng năm 2012 (mỗi hộ cho rằng có 3.000 cây/hộ):

Tại Biên bản kiểm đếm do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập: hộ ông Mai Thanh L có 66 cây cây Cao su trồng năm 2015; hộ ông Nguyễn Văn D có 100 cây cây Cao su trồng 2013; các hộ khác tại Biên bản kiểm đếm không thể hiện có cây Cao su. Đối với cây Cao su và các loại cây trồng khác trồng sau Thông báo số 05/TB-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2013 của UBND xã C về việc Thông báo quy hoạch khu tái định cư Hồ chứa nước Krông Pắc T2 không được hỗ trợ. Năm trồng cây được xác định theo Kết luận Thanh tra số 403/KL-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện E.

Việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện E về việc Phê duyệt Phương án, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk là căn cứ theo Kết luận thanh tra số 403/KL-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện E về tình hình quản lý sử dụng đất khu quy hoạch Dự án tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk và căn cứ Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2017 của UBND xã C về kết quả xét duyệt nguồn gốc, thời điểm sử dụng, hiện trạng sử dụng đất đối với các hộ có đất thu hồi tại điểm tái định cư thuộc Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk. Việc thực hiện lập Phương án của UBND huyện E là đúng quy trình, quy định của pháp luật.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên, việc ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Trần Văn L1, ông Vũ Văn L2, ông Đặng Văn V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên hủy Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện E về việc Phê duyệt Phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk và buộc UBND huyện E ban hành lại quyết định Phê duyệt Phương án để hỗ trợ 100% diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất là cây Cao su trồng năm 2012 là không có căn cứ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị Q trình bày: năm 1994 vợ chồng tôi có khai hoang 01 lô đất tại thôn F, xã E (nay là thôn F, xã C), huyện E, tỉnh Đắk Lắk khoảng 10ha. Sau khi khai hoang, gia đình tôi trồng hoa màu, sau đó chuyển sang trồng Keo. Đến năm 1999 do hoàn cảnh gia đình tôi gặp khó khăn nên sang nhượng diện tích đất này cho ông Đặng Văn V với số tiền 150.000.000đ. Chúng tôi đã bàn giao tiền và đất cho nhau. Thời điểm tôi khai hoang và sử dụng đất không bị ai ngăn cản, không bị cơ quan Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính.

Ông Vi Văn B trình bày: năm 1993 tôi và Vi Văn K1 khai hoang 01 lô đất tại thôn F, xã E (nay là thôn F, xã C) khoảng 6ha. Sau khi khai hoang, anh em chúng tôi sử dụng để trồng Cà phê. Đến năm 2005 thì anh em chúng tôi chuyển nhượng lại diện tích đất này cho ông Nguyễn Mạnh H2 và bà Trần Thị X với giá là 20.000.000đ. Theo tôi được biết thì năm 2006 ông H2, bà X chuyển nhượng diện tích đất này cho ông Trần Trọng T1, đến năm 2007 thì ông T1 lại tiếp tục chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D. Tôi xác định tại thời điểm tôi khai hoang và sử dụng đất không bị ai ngăn cản, không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Ông Trần Trọng T1 trình bày: tôi đồng ý với lời trình bày của ông Vi Văn B và ông Nguyễn Văn D.

Bà Vũ Thị T trình bày: năm 1994 gia đình tôi có khai hoang được 01 lô

đất có diện tích khoảng 20ha. Sau đó, tôi có cho con tôi là **Trần Văn L1** một phần diện tích đất khai hoang khoảng 05ha. Tôi đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn L1**, vì từ thời điểm khai hoang đến hiện nay gia đình tôi và gia đình con trai tôi sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

4. Người làm chứng trình bày:

Ông Lưu Văn Đ: năm 1992 tôi vào làm kinh tế và sinh sống tại **thôn F, xã E, huyện E** cho đến hiện nay. Năm 2012 tôi làm Thôn trưởng của **thôn F**. Quá trình sinh sống tại địa phương, năm 1994 tôi có thấy hộ ông **Ngô Tư D1**, hộ bà **Vũ Thị T**, anh em ông **Vi Văn B, Vi Văn K1** có khai hoang đất tại **thôn F, xã E (nay là thôn F, xã C)**. Diện tích đất các hộ khai hoang trên đều gần nhà tôi. Tôi có biết việc mua bán đất đúng như các ông **Nguyễn Văn D, Trần Văn L1** trình bày. Quá trình sinh sống tại địa phương tôi có chứng kiến các hộ gia đình nêu trên canh tác trên đất, cụ thể: hộ ông **Nguyễn Văn D** trồng Cao su trên đất, hộ ông **Trần Văn L1** và hộ ông **Đặng Văn V** trồng cây hàng năm và cây lâu năm, hộ ông **Vũ Văn L2** thì trồng lúa. Các hộ gia đình này sử dụng đất liên tục, ổn định không có tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính từ thời điểm khai hoang đến khi bị thu hồi đất năm 2017.

Ông Nguyễn Quang D2: năm 1998 tôi vào làm ăn và sinh sống tại **thôn A, xã E (nay là thôn A, xã C)**. Năm 2003 tôi được bầu làm công tác dân vận tại địa phương, đến năm 2010 tôi được bầu làm Thôn trưởng. Từ thời điểm tôi sinh sống tại địa phương tôi có thấy các hộ ông **Mai Thanh L, Trương Đình C** sử dụng đất (sau đó đất của ông **L** bán cho bà **Trần Thị H**). Quá trình sử dụng và chuyển nhượng đất của các hộ trên không bị ai ngăn cấm, không bị xử phạt vi phạm hành chính. Trong đó, hộ ông **Trương Đình C** thì trồng cây hàng năm và cây lâu năm, còn hộ bà **Trần Thị H** trồng lúa liên tục, ổn định trên đất cho đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2024/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 20/2024/QĐST-HC ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Điều 74; điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013. Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của **UBND tỉnh Đ**. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn D**, ông **Trương Đình C**, bà **Trần Thị H**, ông **Mai Thanh L**, ông **Vũ Văn L2**, ông **Trần Văn L1** và ông **Đặng Văn V**.

Hủy một phần Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc Phê duyệt Phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk**, phần nội dung hỗ trợ khác đối với các hộ gia đình ông **Nguyễn Văn D**, ông **Trương Đình C**, bà **Trần Thị H**, ông **Mai Thanh L**, ông **Vũ Văn L2**, ông **Trần Văn L1** và ông **Đặng Văn V**.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành quyết định Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk** cho hộ gia đình ông **Nguyễn Văn D**, ông **Trương Đình C**, bà **Trần Thị H**, ông **Mai Thanh L**, ông **Vũ Văn L2**, ông **Trần Văn L1** và ông **Đặng Văn V** về nội dung bồi thường đối với đất; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng quy định của pháp luật;

Buộc UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ 80% về cây trồng gắn liền trên diện tích đất bị thu hồi, đối với các tài sản gắn liền trên đất theo Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân ngày 14 tháng 8 năm 2017, ngày 15 tháng 8 năm 2017, ngày 16 tháng 8 năm 2017 và ngày 17 tháng 8 năm 2017, cụ thể như sau: 66 cây Cao su cho hộ ông **Mai Thanh L**; 35 cây Keo trồng năm 2013 cho hộ ông **Trương Đình C**; 100 cây Cao su và 300 cây Keo trồng năm 2013 cho hộ ông **Nguyễn Văn D**; 150 cây Keo trồng năm 2015 cho hộ ông **Trần Văn L1** và 20 cây Keo trồng năm 2013 cho hộ ông **Đặng Văn V**.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Mai Thanh L**, ông **Trương Đình C**, ông **Nguyễn Văn D**, ông **Trần Văn L1** và ông **Đặng Văn V** đối với yêu cầu bồi thường 100% giá trị các tài sản gắn liền trên đất.

3. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND huyện E.

Về án phí hành chính sơ thẩm: ông **Nguyễn Văn D**, ông **Trương Đình C**, bà **Trần Thị H**, ông **Mai Thanh L**, ông **Vũ Văn L2**, ông **Trần Văn L1** và ông **Đặng Văn V** không phải chịu. Nên mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí do ông **Nguyễn Như H1** nộp thay theo các Biên lai lần lượt là 0004080; 0004079; 0004077; 0004076; 0004082; 0004074; 0004071 ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. UBND huyện E phải chịu 300.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, UBND huyện E kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Như H1 trình bày không rút Đơn khởi kiện. Ông Lê Đình C1 trình bày không rút Đơn kháng cáo. Các đương sự không thống nhất với nhau được về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Thụ K trình bày: đất 07 hộ gia đình không canh tác sử dụng ổn định nên không đủ điều kiện bồi thường. Các hộ bị xử phạt vi phạm hành chính do lấn chiếm đất, nhưng hồ sơ bị thất lạc (do cán bộ bị xử lý hình sự). Tài sản cây trồng trên đất tạo lập trước khi có Thông báo thu hồi nên đồng ý bồi thường.

Ông Lê Đình C1 trình bày: rút một phần kháng cáo về việc bồi thường cây trồng trên đất. Không chấp nhận bồi thường về đất, vì đất 07 hộ xác định là đất rừng dầu. Lý do người dân không canh tác hết đất nhưng lại ghi thu hồi hết phần đất đó do cán bộ dẫn dắt, Trung tâm Phát triển quỹ đất, các cơ quan có liên quan xác định phần đất của họ.

Ông H1 trình bày: không đồng ý với ý kiến của người bị kiện, không đồng ý cho rằng đây là đất rừng dầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của UBND huyện E là trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, người kháng cáo tự nguyện rút một phần kháng cáo về việc bồi thường cây trồng trên đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND huyện E nhưng không đưa Chủ tịch UBND huyện E vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án có sự tham gia tố tụng của Phó Chủ tịch UBND huyện E. Do đó, không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm, mà cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: đất 07 hộ dân bị thu hồi là do lấn chiếm đất của Lâm trường E quản lý từ trước, thực hiện Dự án Hồ C nên đất 07 hộ bị thu hồi và không thuộc trường hợp được cấp GCNQSDĐ. Những trường hợp hộ dân trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu thì đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 77; Điều 84 Luật Đất đai năm 2013. UBND huyện E khi thu hồi đất của 07 hộ gia đình không xác định làm rõ diện tích đất thực tế các hộ trực tiếp quản lý canh tác do lấn chiếm hoặc nhận sang nhượng từ năm 1993 đến khi bị

thu hồi để có Phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật là thiếu sót của chính quyền địa phương. UBND huyện E ban hành quyết định thu hồi đất của 07 hộ theo hiện trạng là vô hình công nhận những hộ dân này trực tiếp canh tác sử dụng ổn định. Biên bản xác minh hiện trạng sử dụng đất và Kết luận Thanh tra huyện E đã xác định cây trồng trên đất của 07 hộ. Trong 07 hộ thì có 02 hộ có tổ chức sản xuất trồng cây hàng năm là hộ ông L 2.000m², ông C 5.000m² do đó được bồi thường về đất, được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Diện tích đất còn lại của ông L, ông C bị thu hồi không được bồi thường, hỗ trợ. Hộ bà H không chứng minh được việc sử dụng đất nên không được bồi thường, hỗ trợ. Các hộ ông D, ông L1, ông V, ông Lưu K3 được bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ khác về đất và cây trồng theo tiểu mục 1.1 Mục 1 tiết 1.2.2 tiểu mục 1.2 Mục 1 Công văn số 1760/UBND-NNMT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo về việc bồi thường cây trồng trên đất; chấp nhận kháng cáo của UBND huyện E, sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện bồi thường về đất đối với những diện tích bị thu hồi mà không canh tác sử dụng ổn định của những người khởi kiện.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: ngày 22 tháng 5 năm 2024, UBND huyện E kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2024/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, kháng cáo của UBND huyện E là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, người kháng cáo tự nguyện rút một phần kháng cáo về việc bồi thường cây trồng trên đất. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 229 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo này.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, UBND huyện E ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND (Quyết định số 325) về việc Phê duyệt Phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 15 tháng 01 năm 2018, UBND huyện E ban hành Quyết định giải quyết Đơn khiếu nại số 35/QĐ-UBND (Quyết định số 35). Quyết định số 325 và Quyết định số 35 có liên quan đến diện tích đất, tài sản trên đất các hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Vũ Văn L2, ông Trần Văn L1 và ông Đặng Văn V sử

dụng.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, các hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Vũ Văn L2, ông Trần Văn L1 và ông Đặng Văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết hủy Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện E; buộc UBND huyện E ban hành quyết định Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án chứng minh được ngày 02 tháng 8 năm 2023 các hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Vũ Văn L2, ông Trần Văn L1 và ông Đặng Văn V mới nhận Quyết định giải quyết Đơn khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của UBND huyện E (theo Biên bản làm việc và Biên nhận ngày 19 tháng 9 năm 2023). Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của UBND huyện E:

[3.1] Đối với yêu cầu bồi thường về đất:

Về nguồn gốc đất: diện tích đất các hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Vũ Văn L2, ông Trần Văn L1 và ông Đặng Văn V sử dụng là đất rừng do lấn chiếm của Nhà nước đã giao cho Lâm trường Ea Kar quản lý, sử dụng. Ngày 04 tháng 7 năm 2003, UBND tỉnh Đ thu hồi 2.672,3 ha đất của Lâm trường Ea Kar và giao cho UBND huyện E quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có phần diện tích đất của các hộ gia đình ông D, ông C, bà H, ông L, ông L1, ông L2 và ông V. Theo quy hoạch sử dụng đất của xã C giai đoạn 2006- 2010 được UBND huyện E phê duyệt thì khu vực này được quy hoạch là đất nông nghiệp. Năm 2009, Bộ N ban hành quyết định Phê duyệt Dự án đầu tư Hồ chứa nước Krông Pách T3. Ngày 17 tháng 12 năm 2012, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2999/QĐ-UBND Phê duyệt quy hoạch chi tiết điểm tái định cư số 1 tại thôn A, xã C, huyện E.

Quá trình sử dụng đất của các hộ ông D, ông C, bà H, ông L, ông L2, ông L1 và ông V: diện tích đất các hộ ông D, ông C, bà H, ông L, ông L2, ông L1 và ông V bị thu hồi đều có nguồn gốc ban đầu là khai hoang từ những năm 1993 đến năm 1999. Sau đó, có sự chuyển nhượng hoặc tặng cho ông D, ông C, bà H, ông L, ông L2, ông L1 và ông V. Những người khai hoang sử dụng đất trước đây và những người nhận chuyển nhượng hoặc được tặng cho sau này đều không bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 14 tháng 7 năm 2015 và ngày 09 tháng 8 năm 2017, UBND huyện E ban hành Thông báo thu hồi đất đối với hộ ông Vũ

Văn L2, ông Đặng Văn V, ông Nguyễn Văn D, ông Mai Thanh L, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H và hộ ông Trần Văn L1. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, UBND huyện E ban hành các Quyết định thu hồi đất số 780, 783, 784, 785, 786, 787 và 788/QĐ-UBND đối với các hộ ông D, ông C, bà H, ông L, ông L2, ông L1 và ông V thể hiện là đất trồng cây hàng năm. Như vậy, sau khi UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Lâm trường E giao địa phương quản lý thì các hộ ông D, ông C, bà H, ông L, ông L2, ông L1, ông V đều trực tiếp sản xuất nông nghiệp ổn định, liên tục, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất của xã C giai đoạn 2006-2010 được UBND huyện E phê duyệt. Hơn nữa, việc UBND huyện E ban hành các quyết định thu hồi đất và Thông báo thu hồi đất đối với các hộ ông D, ông C, bà H, ông L, ông L2, ông L1 và ông V là thừa nhận quyền sử dụng đất mà các hộ gia đình này quản lý, sử dụng. Hơn nữa, việc 07 hộ gia đình này có sử dụng đất được những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng xác nhận.

Quy định của pháp luật:

Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 quy định:

“2. Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N1, lâm nghiệp thì thực hiện xử lý theo quy định như sau:

.....;

c) Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Ngày 03 tháng 10 năm 2016, T4 - Bộ T5 ban hành Công văn số 1927/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong bồi thường, giải phóng mặt bằng (Công văn số 801/STNMT-GĐ&GPMB ngày 21 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Đ xin ý kiến Bộ T5) có nội dung: *“Đối với trường hợp các hộ dân lấn chiếm, sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61; Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất”.*

Hơn nữa, cùng một dự án, nguồn gốc đất bị thu hồi nhưng đối với một số hộ gia đình khác thì được UBND huyện E bồi thường về đất; còn các hộ ông D, ông C, bà H, ông L, ông L2, ông L1, ông V thì không được hỗ trợ về đất là không công bằng.

Do đó, UBND huyện E thu hồi đất đối với các hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Vũ Văn L2, ông Trần Văn L1 và ông Đặng Văn V thì phải bồi thường về đất theo Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 là đúng pháp luật.

[3.2] Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm:

Như nội dung được phân tích tại tiểu mục [3.1] nêu trên, các hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Vũ Văn L2, ông Trần Văn L1 và ông Đặng Văn V được bồi thường về đất bị thu hồi, nên được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013.

[3.3] Đối với yêu cầu bồi thường về tài sản gắn liền trên đất:

Trong quá trình giải quyết vụ án, 02 hộ không yêu cầu bồi thường về tài sản gắn liền trên đất là: hộ bà Trần Thị H, hộ ông Vũ Văn L2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là đúng pháp luật.

05 hộ gia đình còn lại là: hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, ông Mai Thanh L, ông Trần Văn L1, ông Đặng Văn V có yêu cầu bồi thường 100% giá trị tài sản gắn liền trên đất bị thu hồi, cụ thể như sau: hộ ông D và hộ ông L đề nghị bồi thường 3.000 cây Cao su trồng năm 2012; hộ ông C đề nghị bồi thường 35 cây Keo và 03 cây Xoài; hộ ông V đề nghị bồi thường 20 cây Keo trồng năm 2013; hộ ông L1 đề nghị bồi thường 150 cây Keo trồng năm 2015.

Xét thấy:

Tại các Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân ngày 14 tháng 8 năm 2017, ngày 15 tháng 8 năm 2017, ngày 16 tháng 8 năm 2017, ngày 17 tháng 8 năm 2017 và Biên bản làm việc về việc các hộ gia đình không đồng ý ký vào Biên bản kiểm đếm tài sản, thể hiện tài sản gắn liền trên đất tại thời điểm kiểm đếm tài sản như sau: hộ ông Mai Thanh L có 66 cây Cao su trồng năm 2015 và 45 cây Keo trồng năm 2012; hộ ông Trương Đình C có 35 cây Keo trồng năm 2013 và 03 cây Xoài trồng năm 2003; hộ ông Nguyễn Văn D có 100 cây Cao su trồng năm 2013 và 300 cây Keo trồng năm 2013; hộ ông Trần Văn L1 có 150 cây Keo trồng năm 2015; hộ ông V có 20 cây Keo trồng năm 2013.

Mặc dù, chỉ có hộ ông L1 và hộ ông D ký vào Biên bản kiểm đếm tài sản; còn các hộ ông L, ông C, ông V không ký vào Biên bản kiểm đếm tài sản. Tuy

nhiên, cơ quan có thẩm quyền đã lập Biên bản về việc hộ gia đình không ký vào Biên bản kiểm đếm và tiến hành thực hiện việc kiểm đếm tài sản dưới sự chứng kiến của chính quyền địa phương nơi có đất bị thu hồi là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, các hộ gia đình có yêu cầu được bồi thường về đất và bồi thường 100% giá trị tài sản gắn liền trên đất. Do đó, việc UBND huyện E chỉ hỗ trợ 80% cho các hộ: ông L 45 cây Keo trồng năm 2012; ông C 03 cây Xoài trồng năm 2003 (không hỗ trợ 66 cây Cao su cho hộ ông L và 35 cây Keo cho hộ ông C); ông D 100 cây Cao su và 300 cây Keo trồng năm 2013; ông L1 150 cây Keo trồng năm 2015; ông V 20 cây Keo trồng năm 2013 là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ. Căn cứ điểm b Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ để hỗ trợ 80% giá trị cây trồng gắn liền trên đất bị thu hồi cho các hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, ông Mai Thanh L, ông Trần Văn L1, ông Đặng Văn V theo Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân ngày 14 tháng 8 năm 2017, ngày 15 tháng 8 năm 2017, ngày 16 tháng 8 năm 2017, ngày 17 tháng 8 năm 2017 là phù hợp và đúng pháp luật. Yêu cầu hỗ trợ 100% giá trị cây trồng gắn liền trên đất là không có căn cứ. Hơn nữa, tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã tự nguyện rút một phần kháng cáo về việc bồi thường tài sản trên đất đối với người khởi kiện được coi là người bị kiện thống nhất việc bồi thường cây trồng trên đất bị thu hồi cho người khởi kiện.

[3.4] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND huyện E:

Mặc dù quyết định này không bị khởi kiện, nhưng có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện. Để giải quyết triệt để vụ án và tránh vướng mắc trong quá trình thi hành án, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND huyện E là có căn cứ.

Tuy nhiên, do Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND huyện E giải quyết khiếu nại theo Đơn của 12 hộ gia đình, trong đó có 07 hộ gia đình là người khởi kiện trong vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND huyện E là chưa chính xác cần rút kinh nghiệm. Tòa án cấp phúc thẩm thấy rằng cần sửa lại phần quyết định này của bản án sơ thẩm cho phù hợp là: hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND huyện E đối với 07 hộ gia đình, gồm: ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Vũ Văn L2, ông Trần Văn L1 và ông Đặng Văn V.

[4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung đã được phân tích tại mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của UBND huyện E là không có căn cứ. Bác kháng cáo của UBND huyện E, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện E phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo về việc bồi thường cây trồng trên đất.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của UBND huyện E, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

3. Áp dụng Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Điều 74; điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013. Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Vũ Văn L2, ông Trần Văn L1 và ông Đặng Văn V.

Hủy một phần Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc Phê duyệt Phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk, phần nội dung hỗ trợ khác đối với các hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Vũ Văn L2, ông Trần Văn L1 và ông Đặng Văn V.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành quyết định Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Trương Đình C, bà Trần Thị H, ông Mai Thanh L, ông Vũ Văn L2, ông Trần Văn L1 và ông Đặng Văn V về nội dung bồi thường đối với đất; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm

kiểm việc làm theo đúng quy định của pháp luật;

Buộc **UBND huyện E**, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ 80% về cây trồng gắn liền trên diện tích đất bị thu hồi, đối với các tài sản gắn liền trên đất theo Biên bản kiểm tra, rà soát, đối soát về đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân ngày 14 tháng 8 năm 2017, ngày 15 tháng 8 năm 2017, ngày 16 tháng 8 năm 2017 và ngày 17 tháng 8 năm 2017, cụ thể như sau: 66 cây Cao su cho hộ ông **Mai Thanh L**; 35 cây Keo trồng năm 2013 cho hộ ông **Trương Đình C**; 100 cây Cao su và 300 cây Keo trồng năm 2013 cho hộ ông **Nguyễn Văn D**; 150 cây Keo trồng năm 2015 cho hộ ông **Trần Văn L1** và 20 cây Keo trồng năm 2013 cho hộ ông **Đặng Văn V**.

3.2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Mai Thanh L**, ông **Trương Đình C**, ông **Nguyễn Văn D**, ông **Trần Văn L1** và ông **Đặng Văn V** đối với yêu cầu bồi thường 100% giá trị các tài sản gắn liền trên đất.

3.3. Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch **UBND huyện E** đối với 07 hộ gia đình, gồm: ông **Nguyễn Văn D**, ông **Trương Đình C**, bà **Trần Thị H**, ông **Mai Thanh L**, ông **Vũ Văn L2**, ông **Trần Văn L1** và ông **Đặng Văn V**.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm: ông **Nguyễn Văn D**, ông **Trương Đình C**, bà **Trần Thị H**, ông **Mai Thanh L**, ông **Vũ Văn L2**, ông **Trần Văn L1** và ông **Đặng Văn V** không phải chịu. Nên mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí do ông **Nguyễn Như H1** nộp thay theo các Biên lai lần lượt là 0004080; 0004079; 0004077; 0004076; 0004082; 0004074; 0004071 ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. **UBND huyện E** phải chịu 300.000 đồng

5. Án phí hành chính phúc thẩm: **UBND huyện E** phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012880 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Tấn Long

Võ Thị Ngọc Dung

Trần Quốc Cường

